

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NH
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 16 – 8 - 2024
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán vật tư nông nghiệp”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NH, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn H;

2/ Bà Nguyễn Thị Phương G.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc K, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NH.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NH tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn S - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2024/QĐST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn M, sinh năm 1983 (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH).

Địa chỉ: ấp Bình H, xã Bình T, thành phố NH, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1983 và chị Võ Thị T, sinh năm 1988.

Cùng Địa chỉ: Khóm An H, phường An BA, thành phố NH, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) trình bày: Từ năm 2022 đến năm 2023, anh có bán cho gia đình của anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T gồm hàng hoá vật tư nông nghiệp, tổng trị giá: 402.310.000đ (Bốn trăm lẻ hai triệu ba trăm mười ngàn đồng), ngày 10/01/2024 vợ chồng anh H đã trả lãi 20.000.000đ, còn nợ lãi là 3.656.000đ, nhưng vợ chồng anh H, chị Trịnh đã hứa hẹn, làm giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị T không thực hiện việc trả nợ cho anh.

Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T có trách nhiệm trả cho anh số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tổng cộng là **422.058.000đ** (Bốn trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng), bao gồm:

+ Tiền gốc: 402.310.000đ (Bốn trăm lẻ hai triệu ba trăm mười ngàn đồng);

+ Tiền lãi: tiền lãi phát sinh đã trả còn 3.656.000đ và tiền lãi phát sinh từ 01/01/2024 đến 30/4/2024 là 16.092.000đ. Tổng cộng số tiền lãi phát sinh, vợ chồng anh H, chị T phải trả đến ngày 30/4/2024 là 19.748.000đ (Mười chín triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn thống nhất xét xử vắng mặt anh H, chị T. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng

mặt hai đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với hai đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH), xét thấy, anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T có mua hàng hoá vật tư nông nghiệp của anh Phạm Văn M tổng trị giá 402.310.000đ (Bốn trăm lẻ hai triệu ba trăm mười ngàn đồng), ngày 10/01/2024 vợ chồng anh H, chị T đã trả lãi 20.000.000đ còn nợ lãi là 3.656.000đ, nhưng vợ chồng anh H, chị T đã hứa hẹn và có làm Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ nhưng vợ chồng anh H, chị T không thực hiện việc trả nợ cho anh Phạm Văn M. Cho nên, anh H, chị T đã vi phạm nghĩa vụ và cam kết trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị T không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt theo các văn bản tố tụng triệu tập của Tòa án, coi như anh H, chị T từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn anh Phạm Văn M cung cấp kèm theo đơn khởi kiện Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) là có cơ sở chấp nhận. Anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T cùng có trách nhiệm trả cho anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tổng cộng là **422.058.000đ** (Bốn trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) được chấp nhận nên anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định. Anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T pH có trách nhiệm nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 430, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH).

- Buộc anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T cùng có trách nhiệm trả cho anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tổng cộng là **422.058.000đ** (Bốn trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Anh Phạm Văn M (Chủ hộ kinh doanh Cơ sở PH) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.441.000đ (Mười triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0005151, ngày 15/5/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NH.

- Buộc anh Nguyễn Phước H và chị Võ Thị T phải có trách nhiệm nộp 20.882.000đ (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NH.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người PH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. NH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh T